TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HS-ST
Ngày 20-6-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

Tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quàng Văn Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thủy

Bà Mùa Thị Máy

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Mùa A Hay, Kiểm sát viên.

Tại điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Sơn La:

Thư ký Tòa án: Bà Đinh Thị Viên

Cán bộ chiến sỹ thuộc cơ sở giam giữ: Ông Hạng A Sáy và ông Lò Minh Nhất.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La và điểm cầu thành phần: Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm trực tuyến, công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2023, đối với các các bị cáo:

Họ và tên: **Lường Văn K**; Sinh ngày 22/02/1999 tại huyện B, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản N1, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông: Lường Văn Thoa, sinh năm 1976 và bà Lò Thị Hương, sinh năm 1978; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam giữ từ ngày 08/02/2023 đến nay, có mặt.

Họ và tên: **Lò Văn K1** ; Sinh ngày 05/12/1997 tại huyện B, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản N1, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông: Lò Văn

Thuyên, sinh năm 1977 và bà Lường Thị Thuận, sinh năm 1979. Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam giữ từ ngày 08/02/2023 đến nay, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Lò Thị X; Sinh 24/7/ 2005; Địa chỉ: Bản N2, xã M1, huyện M, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Lò Văn Hỏi; Sinh năm 1984; Địa chỉ: Bản N2, xã M1, huyện M, tỉnh Sơn La - là bố đẻ của chị Lò Thị X, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản Cáo trạng số 09/CT-VKSBY ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La, truy tố các bị cáo Lường Văn K và Lò Văn K1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Khoảng 10 giờ ngày 07/02/2023, Lường Văn K nhờ Lò Văn K1 điều khiển xe máy chở K đến bản N, xã C, huyện M chơi với bạn bè, nhưng mục đích của K sang đó xem có ai bán ma túy thì mua về sử dụng, khi đưa K đến nơi K1 điều khiển xe đi về nhà. Đến sáng ngày 08/02/2023, K đi bộ trên đường dân sinh thuộc bản N, xã C gặp một người đàn ông không quen biết đang đi bộ. K hỏi người đàn ông đó có biết chỗ nào bán ma túy không, người đàn ông nói có, K đưa cho người đàn ông 200.000 đồng nhờ mua hộ ma túy. Một lúc sau, người đang ông quay về đưa cho K 01 gói nilon màu trắng bên trong chứa Heroine. K cầm gói ma túy vào lòng bàn tay phải đi bộ theo đường dân sinh, đi được một đoạn K lấy điện thoại gọi cho Lò Văn K1 nói với K1 trên người có ma túy vừa mua được, nhờ K1 đến đón K về nhà để cả hai cùng sử dụng chung số ma túy đó. Khi được K gọi, K1 biết K đang có ma túy, muốn được sử dụng chung ma túy với K nên K1 điều khiển xe máy BKS: 26L1-172.10 đến đón K tại bản N, xã C đi về nhà. Khi đi được một đoạn K bảo K1 dừng xe hút ma túy rồi mới về, K1 đồng ý, K lấy gói ma túy vừa mua được ra trước mặt K1 tách lấy một ít để K1 và K sử dụng chung bằng hình thức đốt hít. Sau khi sử dụng xong K gói số ma túy còn lại cầm bên tay phải nhằm mục đích đem về nhà tiếp tục sử dụng, K1 điều khiển xe chở K về nhà với mục đích khi về đến nhà được K tiếp tục cho sử dụng chung số ma túy còn lại. Khi đi đến bản T, xã P thì bị tổ công tác kiểm tra, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng

Vật chứng thu giữ: 01 gói nilon màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng nghi là Heroine; 01 chiếc xe máy HONDA, loại Wave màu xanh bạc, BKS: 26L1-172.10; 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 màu đen; 01 điện thoại di động Iphone 6s màu đen xám.

Ngày 08/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân B tiến hành mở niêm phong, cân tịnh 02 gói vật

chứng thu giữ của Lường Văn K. Kết quả: Số chất bột màu trắng trong gói nilon màu trắng có khối lượng 0,226 gam. Cơ quan CSĐT Công an huyện B niêm phong vật chứng lấy mẫu ký hiệu KK và ra quyết định trưng cầu Phòng PC09 Công an tỉnh Sơn La giám định với số vật chứng nghi là ma túy thu giữ.

Ngày 10/02/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số 351, kết luận: *"Mẫu gửi giám định ký hiệu KK là ma túy, loại Heroine, khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,226 gam; Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,226 gam loại Heroine"*.

Vật chứng còn lại của vụ án: 01 phong bì do Công an huyện B phát hành được niêm phong theo quy định. Bên trong gồm: 01 mảnh nilon màu trắng, 01 phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở; 01 phong bì do Công an huyện B phát hành được niêm phong theo quy định, bên trong gồm: 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen, 01 điện thoại Iphone 6s màu đen xám; 01 chiếc xe máy BKS: 26L1-172.10, nhãn hiệu HONDA, loại Wave màu xanh bạc.

Đối với nguồn gốc ma túy bị cáo Lường Văn K khai mua của một người đàn ông không quen biết ở khu vực bản N, xã C, huyện M, bị cáo K không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể của người đàn ông đó ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành điều tra xác minh nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch của người này, do vậy không có căn cứ xử lý đối với người này.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa công khai, các các bị cáo Lường Văn K và Lò Văn K1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Lường Văn K, Lò Văn K1 đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lường Văn K mức án từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù. Xử phạt bị cáo Lò Văn K1 mức án từ 13 tháng tù đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 01 phong bì do Công an huyện B phát hành được niêm phong theo quy định. Bên trong gồm: 01 mảnh nilon màu trắng, 01 phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen, 01 điện thoại Iphone 6s màu đen xám. Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS; khoản 1; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. 01 chiếc xe máy BKS: 26L1-172.10, nhãn hiệu HONDA, loại Wave màu xanh bạc, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị Lò Thị X.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho các các bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố, các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Ý kiến của các các bị cáo Lường Văn K, Lò Văn K1 tự bào chữa: Các bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nhận thức hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Thị X và đại diện hợp pháp cho chị Lò Thị X trình bày ý kiến tranh luận: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị được nhận lại chiếc xe máy BKS: 26L1-172.10, nhãn hiệu HONDA, loại Wave màu xanh bạc.

Lời nói sau cùng của các các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được miễn tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo Lường Văn K, Lò Văn K1 thừa nhận, do bản thân nghiện ma túy nên ngày 08/02/2023 Lường Văn K đã có hành vi đi mua 0,226 gam Heroine với số tiền 200.000 đồng của một người không quen biết, tại bản N, xã C, huyện M mục đích mua về để sử dụng cho bản thân. Sau khi mua được ma túy, Lường Văn K có gọi điện cho Lò Văn K1 bảo K1 đến đón K về nhà để cả hai cùng sử dụng chung ma túy và K1 đồng ý. Trên đường về nhà, Lường Văn K và Lò Văn K1 đã lấy ra một ít để sử dụng số còn lại K cầm bên tay phải nhằm mục đích đem về nhà tiếp tục sử dụng. Khi đi đến bản T, xã P thì bị tổ công tác kiểm tra, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng .

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả điều tra được chứng minh như sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, vật chứng của vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Các các bị cáo Lường Văn K, Lò Văn K1 đã thực hiện hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội danh quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam...." .

Xét về vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án các bị cáo là đồng phạm, thuộc đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Lường Văn K là người khởi xướng, bỏ tiền và trực tiếp đi mua ma túy về sử dụng, bị cáo K1 là người giúp sức tích cực, biết K vừa mua được ma túy để sử dụng trái phép đã dùng phương tiện là xe máy để chở K cùng chất ma túy do vậy, K1 là đồng phạm với K về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Vì vậy cần vận dụng Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

Các bị cáo Lường Văn K và Lò Văn K1 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ hiểu biết để nhận thức được hành vi của mình làm là vi phạm pháp luật. Nhưng do nghiện chất ma túy nên các bị cáo đã thực hiện tội phạm, hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội của địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tòa cần xem xét chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì các bị cáo sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức và am hiểu pháp luật còn nhiều hạn chế.

[5] Về hình phạt chính: Tòa cần xem xét cân nhắc xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm và nhân thân của các bị cáo. Việc cách ly các bị cáo một thời gian là cần thiết, có như vậy mới có thể đảm bảo được điều kiện và thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục chung, đáp ứng yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống các hành vi tương tự xảy ra ở địa phương hiện nay.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5, Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*. Xét thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có

tài sản riêng có giá trị lớn. Vì vậy Tòa cần xem xét chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án: 01 phong bì do Công an huyện B phát hành được niêm phong theo quy định. Bên trong gồm: 01 mảnh nilon màu trắng, 01 phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở, là công cụ, phương tiện phạm tội không có giá trị, cần tịch thu tiêu huỷ. 01 phong bì của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La còn nguyên niêm phong theo quy định. Bên trong gồm có: 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen, 01 điện thoại Iphone 6s màu đen xám, là của các bị cáo đã sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. 01 chiếc xe máy BKS: 26L1-172.10, nhãn hiệu HONDA, loại Wave màu xanh bạc là tài sản thuộc sơ hữu hợp pháp của chị Lò Thị X, việc Lò Văn K1 sử dụng xe thực hiện hành vi phạm tội chị Lò Thị X hoàn toàn không biết nên cần trả lại cho chị Lò Thị X theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Theo Quyết định 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, thì các bị cáo Lường Văn K, Lò Văn K1 là người dân tộc thiểu số sinh sống tại bản N1, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La là bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy Tòa cần xem xét miễn án phí cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 1, Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tuyên bố các bị cáo Lường Văn K và Lò Văn K1 phạm Tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Xử phạt bị cáo Lường Văn K 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/02/2023.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn K1 13 (Mười ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/02/2023.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lường Văn K, Lò Văn Khánh.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì do Công an huyện B phát hành được niêm phong theo quy định. Bên trong gồm: 01 mảnh nilon màu trắng, 01 phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen; 01 điện thoại Iphone 6s màu đen xám (đã được niêm phong theo quy định).

- Trả lại cho chị Lò Thị X: 01 chiếc xe máy BKS: 26L1-172.10, nhãn hiệu HONDA, loại Wave màu xanh bạc.

Chi tiết theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản của vụ án giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 17/5/2023).

3. Về Án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lường Văn K và Lò Văn Khánh.

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Quàng Văn Thủy

Nơi nhận:
-Toà án tỉnh Sơn La;
-VKSND tỉnh Sơn La;
-VKSND-B;
-Công an-B;
-Bị cáo;
-Người liên quan;
-Trại giam-Sơn La;
-Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
-Chi cục THADS-B;
-THA.Hình sự;
-Lưu hồ sơ - Án văn.